



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024
Tuần 35: từ ngày 08/04/2024 đến ngày 14/04/2024

THỨ		Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6	
LỚP		CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY									
K8-DVTV	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	KTNPBTB cho chó mèo	4	KT thit và các sp khác (Duyên)	4	KTNPBTB cho chó mèo (Phượng)	4	KTNPBTB cho lợn (Hưng)	5
K9-DVTV P.303	Chiều	Vệ sinh ATPP (Quyên)	4								
K9-KTDN	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Thi trường CK (Thảo)	3	Quản trị VP (Thủy)	3	Quản trị DN (Som)	3	Tiếng anh CN (Phiên)	3
K8-KTDN P.302	Chiều	Tiếng anh CN (Phiên)	4	Tiếng anh CN (Phiên)	2	Quản trị DN (Som)	2	Quản trị VP (Thủy)	2	Thi trường CK (Thảo)	2
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY											
TT62A1	Sáng	TT nghề nghiệp (Bình)	4	TT nghề nghiệp (Bình)	4						
	Chiều										
TT63A1 P.201	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Côn trùng chuyên khoa (Huệ)	4	Thủy nông (Bình)	4	Chính trị (Quế)	4	Côn trùng chuyên khoa (Huệ)	4
	Chiều	Hoà BVTV (Hương)	3								
CNTY62A1 P.204	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	KTNPBTB cho chó mèo (Lệ)	2	Kỹ sinh trùng thú y (Phượng)	4	Ngoại sản (Hưng)	4		
	Chiều	Ngoại sản (Hưng)	4	Luật thú y (Ngà)	2						
CNTY62A3 P.205	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Quản trị doanh nghiệp (Thủy)	4	KTNPBTB cho lợn (Quyên)	4	KTNPBTB cho lợn (Quyên)	4		
	Chiều	Ngoại sản (Vân)	4								
CNTY63A1 P.101	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1	CD và ĐTH thú y (Vân)	4	Dược lý (Duyên)	4	Giống vật nuôi (Phượng)	4	GDTC (Quang)	4
CNTY63A3 P.102	Chiều	VSV - Truyền nhiễm (Hoà)	3								
	Sáng										
	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	VSV - Truyền nhiễm (Hoà)	4	Dược lý TY (Lệ)	4	Tin học (Phượng)	4	CD và ĐTH thú y (Vân)	4
CNTY63A4 P.103	Chiều	Giống vật nuôi (Hằng)	3								
	Sáng										
	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	KT TG (Hưng)	3						
	Chiều	VSV - Truyền nhiễm (Duyên)	3								



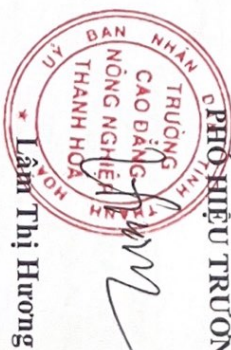
KTDN62B	Sáng	THKT trong DNSX (Dung)	4	THKT trong DNSX (Dung)	4	THKT trong DNSX (Dung)	4	THKT trong DNSX (Dung)	4	
	Chiều									
KTDN63A P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp Thuế (P.Thảo)	1 4	Kinh tế chính trị (Quốc) Luật kinh tế (Huỳnh)	3 2	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	5	Soạn thảo VB (Hoa) Phân tích HDKD (H.Nga)	3 2	
	Chiều							Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	
KTDN63B	Sáng	Thuế (Thảo)	4	Thuế (Thảo)	4	Kinh tế chính trị (Quốc)	4	Tài chính DN (Dung)	4	
	Chiều									
CNTT63A1 P.203	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Cấu trúc MT (Hà)	4	Lập trình cơ bản (Phương)	4	Tiếng anh chuyên ngành (Linh)	4	
	Chiều	Tổ chức QLDN (Som)	3							
CNTT63A2 P.202	Sáng					Cơ sở DL (Phương)	5	QTCSDL với Access (Trương)		
	Chiều	Sinh hoạt lớp Cấu trúc MT (Hà)	1 3	Tổ chức QLDN (Thủy)	4	Mạng máy tính (Quang)	4			
ĐCNC63A1 P.A102	Sáng							Máy điện (Tuấn)	4	
	Chiều	Sinh hoạt lớp Khí cụ điện (B.Đức)	1 3	Máy điện (Tuấn)	4	Máy điện (Tuấn)	4	Máy điện (Tuấn)	4	
ĐCNC63A2 P.A301	Sáng							Máy điện (Giáp)	4	
	Chiều	Sinh hoạt lớp Tiếng anh (Phiên)	1 3	Máy điện (Giáp)	4	Máy điện (Giáp)	4	Đo lường điện (Tuấn)		
ĐCNC63A3 P.A302	Sáng					Máy điện (Giáp)	5	Máy điện (Giáp)	4	
	Chiều	Sinh hoạt lớp Máy điện (Giáp)	1 3	Tiếng anh (Linh)	4	Khí cụ điện (Nga)	4			
ĐCNC63B	Sáng	Máy điện (Huân)	4	Máy điện (Huân)	4	Máy điện (Huân)	4	Máy điện (Huân)	4	
	Chiều									
TL62	Sáng	Vận hành máy bơm ly tâm và hỗn lưu (Hoà)	4	KT nền móng (N.Đức)	4	TT tay nghề cơ bản	4	TT tay nghề cơ bản	4	
	Chiều									
TL63B	Sáng	Trắc địa (N.Đức)	4	QL VH tưới tiêu (Huỳnh)	4	Thủy văn (Hoà)	4	Trắc địa (N.Đức)	4	
	Chiều									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TÂY BẮC

 KHOA GIÁO DỤC

CBTS 63	Sáng	Chế biến Surimi (Năm)	4	Thu mua, BQVCNL thủy sản (Liên)	4	Chế biến Surimi (Năm)	4	Chế biến Surimi (Năm)	4
	Chiều								
KTMTT63	Sáng	KT điện - điện lạnh (Ảnh)	4	Vật liệu mây TT (Bình)	4	Cơ ứng dụng (N.Đức)	4	KT điện - điện lạnh (Ảnh)	4
	Chiều								
BKTB63	Sáng	Khai thác tàu biển (Đồng)	4	Tin học hàng hải (Quang)	4	Bảo quản vỏ tàu (Tiến)	4	Bảo quản vỏ tàu (Tiến)	4
	Chiều								
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN									
THỨ		Thứ 6			Thứ 7				
LỚP					Chủ nhật				
TT62A2	Sáng				TT cơ bản (Thọ)				
P.305	Chiều				TT cơ bản (Thọ)				
CNTY62A2	Sáng				Quản trị kinh doanh (Thủy)				
P.304	Chiều				KT thịt và các sp khác (Lệ)				
TT63A2	Sáng				Giáo dục QP - AN (Mạnh)				
P.303	Chiều				Giáo dục QP - AN (Mạnh)				
CNTY63A2	Sáng				Giáo dục QP - AN (Mạnh)				
P.302	Chiều				Giáo dục QP - AN (Mạnh)				
KTMTT62	Sáng				Thực hành cơ bản (Đồng)				
	Chiều				TACN hàng hải (Ly)				
BKTB62	Sáng				TACN hàng hải (Ly)				
	Chiều				TACN hàng hải (Ly)				

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG





ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTC CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 35: từ ngày 08/04/2024 đến ngày 14/04/2024

THỨ		Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6	
LỚP											
	Sáng		Lịch sử (Dục) (Ôn thi) (P.201)	4	Ngữ văn (Hàng) (Ôn thi) (P.201)	4	Ngữ văn (Hàng) (Ôn thi) (P.201)	4	Toán (Quý) (Ôn thi) (P.201)	4	
VH61B1 P.104	Chiều	Sinh hoạt lớp Sinh học (Phượng)	1 3	Địa lý (Ngọc) (Ôn thi) (P.104)	4	Hóa học (Vân)	3	Vật lý (Hoà)	3		
	Sáng		Ngữ văn (H.Hà) (Ôn thi) (P.104)	4	Lịch sử (Dục) (Ôn thi) (P.104)	4	Toán (Quý) (Ôn thi) (P.104)	4	Ngữ văn (H.Hà) (Ôn thi) (P.104)		
VH61B2 P.104	Chiều	Sinh hoạt lớp Sinh học (Phượng)	1 3			Hóa học (Vân)	3	Vật lý (Hoà)	3	Địa lý (Ngọc) (Ôn thi) (P.104)	
	Sáng	Ngữ văn (Hàng) (Ôn thi)	4	Ngữ văn (Hàng) (Ôn thi)	4	Toán (Nhưng) (Ôn thi)	4	Toán (Nhưng) (Ôn thi)	4	Lịch sử (Dục) (Ôn thi)	
VH52B	Chiều					Toán (Nhưng)	4	Toán (Nhưng)	4		
	Sáng									GDKT và PL (Quỳn) CDLC Hóa học (Hà)	
VH62B1 P.204	Chiều	Sinh hoạt lớp Ngữ văn (H.Hà)	1 3	Lịch sử (Giang)	4	Sinh học (Thủy)	4	Toán (Tú)	4	CDLC Địa lý (Sáu)	
	Sáng									Vật lý (Vân) Sinh học (Phượng)	
VH62B3 P.A101	Chiều	Lịch sử (Giang)	4	Sinh học (Phượng)	4	Ngữ văn (L.Anh)	4	Ngữ văn (L.Anh)	4	CDLC Địa lý (Nhài)	
	Sáng									Ngữ văn (Hàng)	
VH62B4	Chiều	Sinh hoạt lớp GDKT và PL (Quỳn)	1 3	Toán (Nhưng)	4	Hóa học (Hà)	4	Lịch sử (Giang)	4	Địa lý (Thủy)	
	Sáng										
VH62B5 P.301	Sáng									Vật lý (Hoà) GDKT và PL (Quỳn)	
	Chiều	Toán (Quý)	4	CDL Địa lý (Nhài)	4	CDL Địa lý (Nhài)	4	Sinh học (Thủy)	4	Ngữ văn (Tâm)	



VH63B1	Chiều	Sinh hoạt lớp Toán (Nhưng)	1 3	Ngữ văn (Hàng)	4	Vật lý (Hoà)	4	Lịch sử (Giang)	4	Địa lý (Thủy)	4	Toán (Nhưng)	4
VH63B8 P.305	Sáng												
	Chiều	Sinh hoạt lớp CDLC Địa lý (Ngọc)	1 3	Ngữ văn (L. Anh)	4	Toán (Tú)	4			Vật lý (Văn)	3 2	Ngữ văn (L. Anh)	4
VH63B2 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp GDKT và PL (Quyên)	1 2	Toán (Nhưng)	3	Ngữ văn (Tâm)	5	Lịch sử (Dự)	3	GDKT và PL (Quyên)	2	Sinh học (Thủy)	5
		Lịch sử (Dự)	2	Địa lý (Sâu)	2								
VH63B3 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp Lịch sử (Dự)	1 2	CDLC Địa lý (Sâu)	3	Ngữ văn (L. Anh)	5	GDKT và PL (Quyên)	3	Hoà học (Hà)	2	CDLC Địa lý (Sâu)	5
		Sinh học (Phượng)	2	Toán (Nhưng)	2								
VH63B4 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp Toán (Quý)	1 2					Hoà học (Hà)	3	Lịch sử (Dự)	2		
	Chiều	GDKT và PL (Tài)	2									Sinh học (Thủy)	4
VH63B5 P. A102	Sáng	Sinh hoạt lớp CDLC Lịch sử (Giang)	1 4	Địa lý (Nhật)	4							Ngữ văn (Tâm)	5
				Toán (Quý)	3	CDLC Địa lý (Nhật)	5						
				Hoà học (Văn)	2								
VH63B6 P.203	Sáng	Sinh hoạt lớp Hoà học (Hà)	1 2	Hoà học (Hà)	3			Ngữ văn (H. Hà)	3	CDLC Ngữ văn (H. Hà)	2		
		Vật lý (Hoà)	2	Lịch sử (Giang)	2								
	Chiều							CDLC Địa lý (Chung)	4	Địa lý (Chung)	5	CDLC Địa lý (Chung)	4
VH63B7 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp Hoà học (Văn)	1 2	Lịch sử (Giang)	3								
	Chiều	Toán (Quý)	2	Toán (Quý)	2			Toán (Quý)	4			Toán (Quý)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH HỒI

* Lâm Thị Hương